

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2019.

V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Phan Hoài Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 34/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Thái Văn K, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/01/2019, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị D như sau: Bà chung sống với ông Thái Văn K vào năm 1992, hôn nhân tự nguyện nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông K thường xuyên uống rượu, mỗi lần say rượu ông K đều

kiểm chuyện, đánh đập bà nhiều lần, có lần phải nhập viện điều trị, bà cũng đã cho ông K nhiều cơ hội sửa đổi nhưng không khắc phục. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Thái Văn K.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông bà có 02 đứa con chung tên Thái Bình D1 – sinh ngày 15/8/1998 và Thái Hoàng L – sinh ngày 19/4/2005.

Bà D và ông K không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nguyên vọng: Về hôn nhân bà D xin ly hôn với ông Thái Văn K.

Về con chung: Thái Bình D1 – sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thái Hoàng L – sinh ngày 19/4/2005 và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thái Văn K có ý kiến: Hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng. Còn về mâu thuẫn vợ chồng, ông thừa nhận có đánh vợ 4-5 lần nhưng là do ông uống nhiều rượu say quá, vợ không nhường nhịn mà còn cự cãi nên nóng quá ông mới đánh, đánh xong rồi ông thấy hối hận và có xin lỗi vợ tha thứ nhưng sau đó mỗi lần nhậu say ông lại không kiềm chế được nên vẫn còn đánh vợ, có lần vợ ông phải nhập viện điều trị, ông có đi nuôi nhưng vợ không cho mà đuổi về. Ngoài ra, vợ chồng ông trước khi chưa có tiền sống rất hòa thuận, từ khi con gái riêng của vợ gửi tiền về thì vợ bắt đầu thay đổi, không còn nhường nhịn ông như trước nên vợ chồng mới thường xuyên cự cãi nhưng ông vẫn còn thương vợ, thương con, muốn đoàn tụ.

Về quan hệ hôn nhân: Ông K không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Thái Bình D1 – sinh ngày 15/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn Thái Hoàng L – sinh ngày 19/4/2005 muốn sống với ai thì người đó nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị D cương quyết ly hôn với ông Thái Văn K. Ông Thái Văn K cũng đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, vụ kiện còn trong thời hiệu. Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; Việc thu

thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K là vợ chồng. Về con chung ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống hơn 20 năm ông bà cũng không có đăng ký kết hôn trễ hạn là không tuân thủ theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Nay bà D yêu cầu xin ly hôn, ông K cũng đồng ý. Căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K có 02 người con chung tên Thái Bình D1 – sinh ngày 15/8/1998 và Thái Hoàng L – sinh ngày 19/4/2005 hiện cháu D đã lớn nên không xem xét, cháu L vẫn đang sống chung với gia đình. Bà D xin được quyền nuôi con còn ông K có ý kiến con theo ai người đó nuôi. Xét thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến cháu L đã có ý kiến xin được sống chung với mẹ, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu xin nuôi con của bà D.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001015, ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 53, Điều 81, 82, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị D và ông Thái Văn K là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Thái Hoàng L – sinh ngày 19/4/2005 cho bà D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản ông K thực hiện quyền này.

Ông bà có quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001015, ngày 19/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. (23/7/2019)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Thành Nghê